TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST Ngày: 26-9-2022 V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.

2. Ông Nguễn Phú Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/7/2022 về việc "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 247/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm

Địa chỉ: Số b, đường T, tổ s, khóm b, Phường h, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm

Địa chỉ: Số b, đường T, tổ s, khóm b, Phường h, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(*Ông H có mặt, bà Q vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng kết hôn năm 1981 và chung sống như

vợ chồng từ đó cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn không còn tìm được tiếng nói chung, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm lẫn nhau, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, không khí gia đình trở nên căng thẳng, nặng nề hơn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể dung hòa được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Nguyễn Thị Thúy Tr, sinh năm

2. Nguyễn Hiển V, sinh năm

Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Q đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Q không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn. Bị đơn, bà Nguyễn Thị Q có địa chỉ tại Phường h, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Q, bà Q có mặt tại nơi cư trú nhưng bà Q vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Ông H và bà Q chung sống với nhau từ năm 1981 nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông H và bà Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được. Tại phiên tòa, ông H cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà Q, bà Q không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến nội dung vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Q cũng không có mặt để trình bày ý kiến của bà về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H và bà Q có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không hàn gắn tình cảm được, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, ông H được ly hôn với bà Q.

[3] Xét con chung: Vợ chồng có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Thúy Tr, sinh năm 1983 và anh Nguyễn Hiển V, sinh năm 1989. Hiện nay con chung đã trưởng thành, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, ông H trình bày vợ chồng tự không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Q vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng ông H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông H được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Q, ông H được ly hôn với bà Q.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông H được miễn án phí dân sự sơ thẩm, bà Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS ND TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nữ Thu Hân